

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỢ QUỐC TẾ HOÀNG KIM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỢ QUỐC TẾ HOÀNG KIM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANG KIM INTERNATIONAL MARKET JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HOANG KIM INTERNATIONAL MARKET

2. Mã số doanh nghiệp: 0110605110

3. Ngày thành lập: 17/01/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 1329 - NO30B - LK30B-21 Khu đất dịch vụ 2, Phường Đồng Mai, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0981019662

Fax:

Email: Choquocte.vnhoangkim@gmail.com Website: com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ đầu giá)	4512
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đầu giá.)	4530
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4543
9.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đầu giá)	4610
10.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620
11.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631

12.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột... Bán buôn thực phẩm chức năng	4632
13.	Bán buôn đồ uống	4633
14.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
15.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
16.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
17.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Mua bán trang thiết bị y tế - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
19.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
20.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
21.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ hoạt động đấu giá và hoạt động nhà nước cấm)	4669
22.	Trồng cây hàng năm khác	0119
23.	Trồng cây ăn quả	0121
24.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
25.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
26.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132

27.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
28.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
29.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
30.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
31.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
32.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo)	8230
33.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: -Xuất nhập khẩu những mặt hàng công ty kinh doanh	8299
34.	Giáo dục nhà trẻ	8511
35.	Giáo dục mẫu giáo	8512
36.	Giáo dục tiểu học	8521
37.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
38.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
39.	Đào tạo sơ cấp	8531
40.	Đào tạo trung cấp	8532
41.	Đào tạo cao đẳng	8533
42.	Đào tạo đại học	8541
43.	Đào tạo thạc sỹ	8542
44.	Đào tạo tiến sỹ	8543
45.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
46.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
47.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm: - Dạy về tôn giáo;- Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể.)	8559
48.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: -Tư vấn du học - Tư vấn giáo dục - Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục - Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục - Dịch vụ kiểm tra giáo dục - Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên	8560
49.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Trừ hoạt động của các nhà báo độc lập và kinh doanh dịch vụ quán bar, karaoke, vũ trường)	9000
50.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321

51.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động của các sàn nhảy và hoạt động của các phòng hát karaoke)	9329
52.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
53.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
54.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
55.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
56.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
57.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
58.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
59.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
60.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
61.	Lập trình máy vi tính	6201
62.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
63.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
64.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
65.	Cổng thông tin Chi tiết: Hoạt động thương mại điện tử - Dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử (Không bao gồm hoạt động đấu giá) - Cung cấp thông tin trên website thương mại điện tử bán hàng - Thiết lập website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử - Hoạt động nhượng quyền thương mại (Trừ hoạt động báo chí)	6312
66.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại	6399
67.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (Không bao gồm các dịch vụ tư vấn tài chính, chứng khoán, tư vấn pháp luật)	6619
68.	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm (Trừ kinh doanh và đấu giá bảo hiểm)	6622
69.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810

70.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Môi giới bất động sản. - Tư vấn bất động sản - Quản lý bất động sản - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản (Trừ hoạt động đấu giá)	6820
71.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ hoạt động tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính)	7020
72.	Quảng cáo (Trừ loại Nhà nước cấm)	7310
73.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ hoạt động thám tử)	7320
74.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
75.	Hoạt động nhiếp ảnh (trừ - Hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
76.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm: - Hoạt động của những nhà báo độc lập; - Thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; - Tư vấn chứng khoán;)	7490
77.	Cho thuê xe có động cơ (Trừ loại nhà nước cấm)	7710
78.	Bán buôn tổng hợp (Trừ hoạt động nhà nước cấm và hoạt động đấu giá)	4690
79.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
80.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719(Chính)
81.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
82.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
83.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
84.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
85.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
86.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
87.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
88.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
89.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
90.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
91.	Sản xuất đường	1072
92.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
93.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074

94.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
95.	Sản xuất chè	1076
96.	Sản xuất cà phê	1077
97.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
98.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
99.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
100.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
101.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
102.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
103.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
104.	In ấn (Trừ loại nhà nước cấm)	1811
105.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ loại nhà nước cấm)	1812
106.	Sao chép bản ghi các loại	1820
107.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
108.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
109.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
110.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: - Sản xuất mỹ phẩm Sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
111.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
112.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
113.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
114.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
115.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
116.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	4781
117.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
118.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
119.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Không bao gồm: - Hoạt động của đấu giá viên,- Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao;- Bán lẻ tem và tiền kim khí;)	4789
120.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đấu giá)	4791

121.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ đấu giá)	4799
122.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô	4932
123.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Loại trừ hoạt động nhà nước cấm) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
124.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
125.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ vận tải hàng không)	5229
126.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
127.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
128.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
129.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
130.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Trừ kinh doanh dịch vụ quán bar, karaoke, vũ trường)	5630
131.	Xuất bản phần mềm (Trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
132.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Trừ hoạt động phát hành chương trình truyền hình)	5913
133.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc (Trừ xuất bản sách nhạc và bản nhạc)	5920
134.	Hoạt động viễn thông khác	6190
135.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
136.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
137.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
138.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Loại trừ hoạt động nhà nước cấm.)	7730
139.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Loại trừ hoạt động của Trung tâm giới thiệu việc làm)	7810
140.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
141.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: - Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước - Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài	7830
142.	Đại lý du lịch	7911

143.	Hoạt động bảo vệ tư nhân Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ	8010
144.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
145.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
146.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
147.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
148.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
149.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
150.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
151.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
152.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
153.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất trang thiết bị y tế	3290
154.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
155.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
156.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
157.	Phá dỡ Loại trừ: Hoạt động gây nổ bằng bom, mìn	4311
158.	Chuẩn bị mặt bằng Loại trừ: Hoạt động gây nổ bằng bom, mìn	4312
159.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
160.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
161.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
162.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
163.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
164.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
165.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
166.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762

167.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Kinh doanh thuốc, nguyên liệu làm thuốc;	4772
168.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem, và tiền kim khí)	4773

6. **Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 1.000.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ HUY HOÀNG	Thôn Trung Hòa, Xã Trung Hòa, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	960.000	9.600.000.000	96,000	033082013196	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	960.000	9.600.000.000	96,000		

2	VŨ THỊ TUYẾT	Thôn Trung Hòa, Xã Trung Hòa, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	2,000	0361920195 71	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	20.000	200.000.000	2,000		
3	LÊ THỊ HƯỚNG	Thôn Cầu Thôn, Xã Trung Hòa, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	2,000	0331910016 22	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	20.000	200.000.000	2,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ HUY HOÀNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/10/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 033082013196

Ngày cấp: 25/06/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Trung Hòa, Xã Trung Hòa, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Trung Hòa, Xã Trung Hòa, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội